

Số: /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 249/TTr-TTr ngày 23/4/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ danh mục 05 thủ tục lĩnh vực phòng chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra trên địa bàn tỉnh Phú Yên tại các Quyết định số: 966/QĐ-UBND, 967/QĐ-UBND, 968/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông;
- Lưu: VT, NC.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Thế**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA NGÀNH THANH TRA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Số TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng</b>							
1	Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	1. Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác. 2. Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập, trừ trường hợp đã kê khai theo quy định tại	UBND xã, phường, thị trấn; Cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện; Cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh.	Không	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị	- Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ

			<p>khoản 3 Điều 36 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.</p> <p>3. Kê khai hằng năm được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12;</p> <p>b) Người không thuộc quy định tại điểm a khoản này làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12.</p> <p>4. Kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử</p>				
--	--	--	--	--	--	--	--

			<p>giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác;</p> <p>b) Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018. Thời điểm kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.</p>				
2	Xác minh tài sản, thu nhập	Xác minh tài sản, thu nhập	<p>Thời hạn xác minh: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định xác minh Tổ trưởng Tổ xác minh tài sản, thu nhập phải báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập bằng văn bản cho người ra quyết định xác minh; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày.</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh phải ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập; trường hợp phức tạp thì thời</p>	Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập	Không	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị	- Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ

			hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày				
3	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình: 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.	Không	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tham nhũng	- Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ
4	Thực hiện việc giải trình	Thực hiện việc giải trình	Thời gian giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn thời gian giải trình. Thời gian gia hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày, kể từ ngày gia hạn và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước	Không		